

Quy hoạch và xây dựng đô thị VỚI VẤN ĐỀ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

PGS. TS. ĐẶNG VĂN BÀI*

1. Đôi điều về phương pháp tiếp cận vấn đề

1.1. Di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) cần được xác định là bộ phận quan trọng cấu thành môi trường sống của con người. Di sản văn hóa đồng thời còn là tài sản quý giá, tài nguyên đặc biệt không thể tái sinh, không thể thay thế, nhưng cũng rất dễ bị biến dạng trước tác động của các điều kiện tự nhiên (khí hậu, thời tiết...) cũng như các hoạt động đa dạng của con người. Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị là hoạt động mang tính chất tổng hợp, một trong những tác nhân có gây ảnh hưởng toàn diện nhất tới di sản văn hóa. Vì vậy, trong quá trình xây dựng đô thị nói chung và các điểm cư dân đô thị nói riêng, chúng ta cần quan tâm tới vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

1.2. Cần nhìn nhận đô thị là một trong những thành tựu sáng tạo văn hóa lớn lao nhất trong quá trình phát triển lịch sử của nhân loại. Các kiến trúc sư đã "thổi hồn" cho môi trường thiên nhiên bằng cách sáng tạo những ý tưởng quy hoạch đầy chất nhân văn. Từ những ý tưởng quy hoạch ban đầu (có thể được bổ sung qua các giai đoạn phát triển đô thị), các kiến trúc sư, kỹ sư và công nhân xây dựng đã tạo nên những cơ cấu không gian nhân tạo, từ đó

hình thành diện mạo kiến trúc độc đáo cho từng đô thị. Tất cả các yếu tố đó thường được gọi là di sản kiến trúc đô thị-một hợp thể gắn bó hữu cơ giữa kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên ở từng địa phương cụ thể. Có thể dễ dàng nhận ra đặc điểm đó qua một số đô thị tiêu biểu của nước ta như Hà Nội, Huế, Đà Lạt và thành phố Hồ Chí Minh... Như vậy, đặc trưng cơ bản trong quy hoạch đô thị Việt Nam của cha ông chúng ta là luôn biết tạo lập mối quan hệ biện chứng giữa môi trường văn hóa và môi trường tự nhiên, coi môi trường tự nhiên và điều kiện địa lý là tiền đề vật chất để xác định thái độ ứng xử (với thiên nhiên), từ đó tạo lập nét đặc trưng cho môi trường văn hóa-xã hội là đô thị.

1.3. Vị trí địa lý chiến lược của Việt Nam, hoàn cảnh lịch sử của dân tộc ta cũng để lại dấu ấn trong quá trình phát triển đô thị (hiểm họa xâm lăng của ngoại bang, điều kiện khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, thiên tai lũ lụt liên miên...). Bởi vậy, các khu dân cư, đặc biệt là các đô thị, được hình thành đều ít nhiều mang tính phòng thủ chống giặc ngoại xâm và phòng tránh lũ lụt, khắc phục ứng ngập đô thị-những vấn đề mà hiện nay nhiều thành phố vẫn phải đối mặt hàng năm, thậm chí hàng ngày, như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, vị trí địa lý chiến lược cũng tạo điều kiện cho Việt Nam mở rộng giao lưu, tiếp thu có chọn lọc

* PHÓ CHỦ TỊCH HỘI
HỘI DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM

thành tựu quy hoạch phát triển đô thị từ các nền văn minh lớn của nhân loại (Ấn, Hoa, Champa, Pháp, Mỹ, Nga...), mà dấu ấn để lại rất dễ nhận thấy trong cơ cấu không gian và diện mạo kiến trúc của các đô thị thời trung đại cũng như hiện đại của Việt Nam.

1.4. Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, chúng ta phải hướng tới việc tôn trọng sự đa dạng văn hóa, bảo vệ và tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc để tạo lập nền tảng tinh thần cho phát triển. Tương tự như vậy, trong quá trình đô thị hóa, yếu tố hiện đại phải là những giá trị được sáng tạo căn bản dựa trên cơ sở truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Điều đó cũng có nghĩa là, giữa truyền thống (cổ truyền) và hiện đại luôn có những gạch nối và sự bổ sung liên tục bằng các giá trị văn hóa mới. Có như thế, đô thị, với tư cách là một cơ thể sống động, liên tục phát triển, bổ sung những thành tố mới, hiện đại, nhưng không hề xa lạ mà ngược lại, luôn gần gũi với con người Việt Nam. Kiến trúc sư giỏi chính là người biết đưa sinh khí văn hóa cổ truyền vào hiện đại, mang hơi ấm ngàn xưa vào hôm nay, làm cho yếu tố cổ truyền không trở nên xưa cũ mà luôn tươi mới và có vị trí xứng đáng trong môi trường đô thị hiện đại.

1.5. Ở Việt Nam, đô thị hóa là quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ sản xuất nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp và, cùng với nó, là quá trình hình thành lối sống, nếp sống văn minh đô thị. Mục tiêu của phát triển nói chung, phát triển đô thị nói riêng, đều là vì con người. Do đó, quy hoạch phát triển đô thị cần xuất phát từ hai tiền đề là điều kiện tự nhiên và nhu cầu sống, đi lại, làm việc, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí của một cộng đồng cư dân lớn, đa thành phần, đa ngành nghề, theo đó, nảy sinh những nhu cầu hết sức đa dạng. Tôi hiểu rằng, bất cứ một quy hoạch phát triển đô thị nào cũng đều hướng tới mục tiêu cao đẹp, nhân văn nhất là tạo điều kiện sống lành mạnh cho thị dân, để họ có thể sáng tạo và cống hiến cao nhất cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế nhưng vẫn giữ vững được bản sắc văn hóa dân tộc. Một đô thị, một khu cư dân có điều kiện sống tốt và lành mạnh là một đô thị đạt được mấy tiêu chí cơ bản sau:

- Luôn năng động trong phát triển kinh tế-xã

hội, đồng thời vẫn có khả năng phát triển, mở rộng đô thị một cách hợp lý trong tương lai.

- Có bản sắc riêng, kết hợp hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, giữa cổ truyền và hiện đại, dân tộc và quốc tế.

- Có sức hấp dẫn các nhà đầu tư, các khách du lịch và chiếm được tình cảm của cư dân đô thị.

Theo tôi, đó cũng là mấy gợi ý cho chúng ta trong việc cùng nhau xác định định hướng và nội dung, chương trình hành động nhằm xây dựng các đô thị Việt Nam có điều kiện sống ngày càng tốt hơn, lành mạnh hơn.

2. Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn

2.1. Trong quá trình quy hoạch và xây dựng đô thị mấy chục năm qua, không phải bao giờ chúng ta cũng tìm ra lời giải đúng đắn cho vấn đề bảo tồn và phát triển. Những nhận thức sai lệch hoặc chưa đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của di sản văn hóa trong phát triển nói chung, phát triển đô thị hóa nói riêng, chính là nguyên nhân dẫn tới tình trạng này. Trong khá nhiều trường hợp, người ta đã quá coi trọng phát triển kinh tế, đặt mục tiêu lợi nhuận lên trên hết, mà không lưu ý hoặc không xử lý thỏa đáng yêu cầu bảo tồn di sản văn hóa. Có thể lấy dẫn chứng là dự án xây dựng trụ sở Điện lực ngay khu vực liên kề Hồ Hoàn Kiếm, một không gian lịch sử-văn hóa tiêu biểu, thiêng liêng của Thăng Long-Hà Nội và của cả quốc gia, hoặc dự án xây dựng Khu du lịch sinh thái tại khu vực đối Vọng Cảnh, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cả hai dự án này đều gây ra những bức xúc trong dư luận xã hội, được các phương tiện thông tin đại chúng liên tục bàn luận và đưa ra những cảnh báo, để rồi cuối cùng phải dừng lại không thời hạn. Dĩ nhiên, trong thực tế cũng đã có những bài học đáng biểu dương và khích lệ, mà trường hợp khu di tích khảo cổ học Trung tâm Hoàng thành Thăng Long là một ví dụ điển hình. Ban đầu, khu vực 18 Hoàng Diệu được phê duyệt để xây dựng Trung tâm hội nghị quốc gia và Nhà làm việc của Quốc hội. Nhưng kết quả khai quật khảo cổ nhằm giải phóng mặt bằng xây dựng lại phát lộ dấu ấn phết tích kiến trúc có liên quan tới khu vực Trung tâm Hoàng thành Thăng Long xưa. Chúng ta đứng trước sự lựa chọn không hề đơn giản là: Di dời các di tích kiến trúc cùng di vật khảo cổ về bảo quản trong bảo tàng để tiếp tục dự án xây dựng đã được

phê duyệt hay là dừng hẳn dự án đó để triển khai việc bảo tồn tại chỗ và xây dựng bảo tàng khảo cổ học ngoài trời như kinh nghiệm quốc tế đã thực hiện? Sau khi lắng nghe ý kiến của các nhà khoa học và các cơ quan hữu quan ở trung ương, Chính phủ đã quyết định chuyển địa điểm xây dựng Trung tâm hội nghị quốc gia về khu vực Mỹ Đình, khu vực 18 Hoàng Diệu sẽ được triển khai một dự án tổng thể trên cơ sở hết hợp hai dự án thành phần là: Dự án xây dựng nhà làm việc của Quốc hội và dự án bảo tồn dấu ấn phước tích kiến trúc kinh thành Thăng Long xưa. Phương án lựa chọn đó đã đáp ứng được nhu cầu thực tế đặt ra là:

- Nhà Quốc hội xây dựng trong khuôn viên của Hội trường Ba Đình cũ, tạo được sự kết nối có tính truyền thống cho trục quyền lực quốc gia.

- Khu di tích phước tích kiến trúc mang tính chất khảo cổ gắn với khu vực trung tâm Hoàng thành Thăng Long xưa vẫn được bảo tồn và phát huy trong môi trường đô thị mới.

Như vậy, giải pháp được lựa chọn đã cho phép chúng ta tạo lập tại Khu trung tâm chính trị-văn hóa Ba Đình một công viên lịch sử-văn hóa hoàn chỉnh, hội tụ các yếu tố cổ truyền và hiện đại, văn hóa và du lịch. Có thể coi đây là ví dụ điển hình về quan điểm giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển.

2.2. Trong những năm qua, tốc độ đô thị hóa diễn ra quá nhanh, vượt cả sự kiểm soát của quy hoạch, dẫn đến nguy cơ làm mờ nhạt dần thân thái, diện mạo kiến trúc là cái tạo nên bản sắc của đô thị. Quá trình phát triển đô thị tất yếu kéo theo sự gia tăng dân số đô thị. Các nhà khoa học dự báo: vào năm 2010, dân số Việt Nam đạt tới 93 triệu người, trong đó dân số đô thị là 30,4 triệu người; đến năm 2020 dân số nước ta có thể tăng lên 103 triệu người, trong đó dân số đô thị sẽ là 46 triệu người. Hiện tượng tăng dân số một cách cơ học với tốc độ quá nhanh như thế có thể sẽ tạo ra áp lực tác động tiêu cực tới môi trường đô thị, trong đó có di sản văn hóa nói chung và di sản kiến trúc đô thị nói riêng. Rõ ràng đang có sự mất cân đối giữa nhu cầu phát triển các khu công nghiệp và khu dân cư mới với khả năng phát triển cơ sở hạ tầng của đô thị. Thực tế đã cho thấy, có những khu vực đô thị mà cơ sở hạ tầng chẳng những chưa được cải thiện mà còn bị xuống cấp nghiêm

trọng như: ô nhiễm môi trường, úng ngập trong mùa mưa bão, ùn tắc giao thông trong những giờ cao điểm...

Một trong những đặc trưng của đô thị Hà Nội là có hình thái "làng trong phố" hoặc, như cố GS. Trần Quốc Vương đã từng ví von, Hà Nội là một "làng lớn". Trong từng "làng" ở nội đô Hà Nội đó có đầy đủ các thiết chế tôn giáo tín ngưỡng của một làng xã cổ truyền Việt Nam. Trong quá trình đô thị hóa, hầu hết các làng đã biến thành phố phường như: làng Khương Thượng (Đống Đa), làng Ngọc Hà, làng Đại Yên (Ba Đình)... Làng đã thành phố phường thì dân tứ chiếng đến cư trú cùng dân làng gốc phải chuyển đổi phương thức canh tác nông nghiệp sang thương mại, buôn bán lẻ, làm công nhân công nghiệp hoặc viên chức nhà nước. Theo đó, là quá trình hình thành lối sống thành thị, với nhu cầu cải tạo, mở rộng nhà cũ, xây dựng nhà mới, làm cho cảnh quan văn hóa xung quanh di tích bị biến dạng, thu hẹp lại, thậm chí còn bị lấn chiếm. Từ chỗ là không gian văn hóa truyền thống của làng xã, nơi sinh hoạt, giao tiếp cộng đồng của các khu cư dân, nay đình, đền, chùa cũ chỉ còn làm chức năng tín ngưỡng thuần túy-trong khi đó, không gian công cộng mới ở các khu cư trú (một thành tố quan trọng của quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư) lại chưa được quan tâm xây dựng. Nhà cửa nhiều tầng mọc lên quây kín, lấn sát không gian văn hóa của di tích thì lễ hội truyền thống (thành tố quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể) sẽ tiếp diễn thế nào với các đội hình rước kiệu thánh, theo nếp cũ, thường kéo dài hàng ki-lô-mét?

2.3. Quy hoạch đô thị nói chung và quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm cư dân đô thị nói riêng còn nặng tính lý thuyết, chưa quan tâm đầy đủ tới cảnh quan sinh thái-nhân văn và nhu cầu của cộng đồng cư dân đô thị-những nhân tố xác lập tiền đề quan trọng cho mọi quy hoạch đô thị, đồng thời cũng là những đối tượng chịu tác động trực tiếp từ các ý tưởng và giải pháp đặt ra trong quy hoạch. Đó cũng là một thực tế rất đáng quan ngại. Hà Nội vốn tự hào là thành phố của những dòng sông, hồ nước và cây xanh-những dòng sông vừa làm chức năng phòng thủ, tưới, tiêu nước, vừa có vai trò giao thông, kết nối các khu vực trong đô thị cũng như liên vùng lãnh thổ rộng lớn; những công

viên, những đường phố-hàng cây là yếu tố tạo ra vẻ đẹp hấp dẫn cũng như cảnh quan văn hóa của Thăng Long xưa, của Hà Nội hôm nay và cả mai sau. Nét cảnh quan ưu việt đó không những không được lưu giữ và phát huy, mà ngày còn bị làm cho sai lệch, thậm chí biến mất. Nhiều khúc sông ở nội đô đã bị cống hóa để làm hệ thống thoát nước ngầm, và sử dụng bề mặt làm đường giao thông. Sông Kim Ngưu, sông Tô Lịch, sông Nhuệ còn đâu dáng vẻ yêu kiều, lãng mạn, ngược lại, đang ở trong tình trạng báo động ô nhiễm nặng nề. Nhà dân thì thường xuyên “được” tôn nền cao thêm để “tương xứng” với những đường phố liên tiếp được rải nhựa nâng cao hết lớp này đến lớp khác. Hệ lụy là khuôn viên đình, chùa, đền, miếu hóa thành ô trũng chứa nước, khi mùa mưa tới, đường và nhà dân chưa ngập thì di tích lịch sử văn hóa đã bị ngập lụt trước và là nơi nước rút cuối cùng. Hiện tượng trên chứng tỏ các ý tưởng quy hoạch hình thành qua các giai đoạn phát triển đã không được tôn trọng và do đó, đã đến lúc chúng ta cần suy nghĩ tới giải pháp từng bước phục hồi các khu vực cảnh quan văn hóa đô thị vốn từng nổi danh trong quá khứ.

2.4. Vấn đề bảo tồn di sản văn hóa trong quá trình phát triển cần được tiếp cận tổng hợp, liên ngành, từ vĩ mô đến vi mô, tức là cần được tiếp cận, xử lý từ cái nhìn tổng thể di sản kiến trúc đô thị chứ không phải là từng di tích đơn lẻ. Trong cơ cấu không gian của Thăng Long-Hà Nội, ta thấy “khu phố cổ” 36 phố phường, mà phần lớn là phố nghề và phố buôn bán thương mại, bao giờ cũng được coi là bộ phận cấu thành quan trọng, làm nên nét nổi trội ít thấy ở các thành phố khác trên thế giới. Đường phố, ngõ phố và sự liên kết của chúng với mạng lưới các làng nghề vùng châu thổ Bắc Bộ làm nên sự sống động, nhộn nhịp cho khu phố cổ xưa

và nay. Đặc thù trên không cho phép chúng ta áp dụng máy móc các nguyên tắc bảo tồn di tích lịch sử-văn hóa đơn lẻ vào trường hợp “khu phố cổ” Hà Nội. Ngoài đặc điểm chung nêu trên, mỗi ô phố trong “khu phố cổ” lại có đặc thù riêng cả về công năng, hiện trạng kỹ thuật và thành phần cư dân. Rõ ràng là, từ cái nhìn tổng thể di sản kiến trúc đô thị, việc quy hoạch chi tiết bảo tồn và phát triển phải xác định giải pháp cụ thể phù hợp với từng ô phố cụ thể, đảm bảo rằng các giải pháp đó được xuất phát từ chức năng, từ nhu cầu của cộng đồng cư dân đô thị cũng như các chủ sở hữu di tích. Di sản phải gắn bó với cộng đồng cư dân, phục vụ lợi ích của họ cả về mặt vật chất và tinh thần. Tôn trọng điều đó cũng có nghĩa chúng ta phải chấp nhận sự thay đổi, cải tạo, thích nghi, phục hồi, thậm chí xây mới ở một số khu vực cụ thể. Các ô phố trong khu vực “36 phố phường” không chỉ có chức năng cư trú, làm nghề và buôn bán, mà còn đóng vai trò là khu vực du lịch khá hấp dẫn của Hà Nội. Bởi vậy, việc tạo lập các không gian công cộng (không gian xanh, không gian mở) có chất lượng thẩm mỹ cao, được kết nối bằng các tour, tuyến du lịch để tiếp cận, vừa thân thiện với thiên nhiên, vừa gắn gũi với con người là vấn đề cần quan tâm hàng đầu trong quy hoạch chi tiết các khu vực dân sinh ở Hà Nội. Tôi cho rằng, di tích lịch sử-văn hóa, lối sống, nếp sống thanh lịch, những sinh hoạt thường nhật đang diễn ra hàng ngày trong “khu phố cổ”, cùng các dấu ấn kiến trúc hình thành qua các giai đoạn phát triển đô thị, chính là đối tượng cần được “bảo tàng hóa” để trở thành bảo tàng sinh thái sống động ngoài trời, với tất cả sự ồn ào, náo nhiệt của nó, chính là mục tiêu cần đạt tới trong quá trình quy hoạch xây dựng thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến của đất nước./.

Đ.V.B

ĐẶNG VĂN BÀI: URBAN PLANNING AND CONSTRUCTION VERSUS CULTURAL HERITAGE PROTECTION

From an understanding that urban architectural heritage is one of the humanity's cultural creation achievements, the author presents characteristics and impacts of socio-economic development on urban architectural heritage in Vietnam and proposes some methods to safeguard and promote the value of this heritage in the context of development process.

